TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **249**/2019/QĐST-HNGĐ.	*Hoài Đức, ngày 30 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào biên bản thỏa thuận về việc phân chia đất nông nghiệp, đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2019/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị **Mai Thùy T**, sinh năm 1985;

HKTT: Thôn xã Quang K, huyện T, tỉnh Hải Dương

Tạm trú: Đội , thôn Quyết T, xã Vân C, huyện H, thành phố Hà Nội.

***Bị đơn**: Anh **Vũ Văn K,** sinh năm 1983;

HKTT: Thôn Nxã Quang K, huyện T, tỉnh Hải Dương

Tạm trú: , thôn , xã Vân , huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng TMCP

Địa chỉ: Tháp , Hàng V, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc H – Giám đốc Phòng giao dịch .

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn Q, xã Minh Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1942

4. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1978

Cùng Địa chỉ: thôn N, xã Quang K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

5. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Phương T, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

6. bà Tạ Thị S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Hương M, xã Hương M, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

7. Bà Tạ Thị Q, sinh năm 1960

8. Bà Hứa Thị L, sinh năm 1965

Cùng Địa chỉ: Xóm C, xã Hòa T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

9. Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm , thôn N, xã Quang K, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

10. Chị Trần Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã Tân T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

11. Ông Mai Duy L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm C, xã Hòa T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

12. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà , ngõ , phố Trương Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

14. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu N, Xuân L, phường Xuân Đ quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

15. Ông Vũ Văn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: phường Xuân Đ quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

16. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1983

Địa chỉ: ThônĐ, xã Đại H, huyện Tứ Kỳ, thành phố Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **22** tháng **10** năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thùy T và anh Vũ Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thanh H, sinh ngày 02/5/2012 và cháu Vũ Hà L, sinh ngày 30/10/2015.

Giao cháu Vũ Thanh H, sinh ngày 02/5/2012 cho chị Mai Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cháu Vũ Hà L, sinh ngày 30/10/2015 cho anh Vũ Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Mai Thùy T và anh Vũ Văn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Mai Thùy T và anh Vũ Văn K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung của các bên đương sự theo Bản cam kết thỏa thuận về tài sản chung lập ngày **30/9/2019**, cụ thể như sau:

+ Chị Mai Thùy T đ□ợc quyền sở hữu, sử dụng Quyền sử dụng đất và các tài sản có trên đất tại địa chỉ: , Khu chức năng, ph□ờng Tây M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, diện tích đất là 61,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số , mang tên ông Vũ Văn K và bà Mai Thùy T do Sở Tài Nguyên Môi tr□ờng thành phố Hà Nội cấp.

+ Chị Mai Thùy T đ□ợc quyền sở hữu, sử dụng 200m^2 đất (đo thực tế 199,7m^2) tại Thửa đất số , tờ bản đồ số ; Địa chỉ: Xứ đồng , thôn Quyết T, xã Vân C, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Chị T và anh K có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ngân hàng), ông Nguyễn Văn Th, ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị L, ông Lê Văn Q, bà Tạ Thị S, bà Tạ Thị Q, bà Hứa Thị L, bà Vũ Thị N, chị Trần Thị H, ông Mai Duy L, chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, ông Vũ Văn D và ông Nguyễn Đình D tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

5. Về án phí:

+ Chị T phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009022 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị T được hoàn lại 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Hoàn trả Ngân hàng số tiền dự phí đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0009132 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009041 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả ông Vũ Văn C số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009038 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả chị Vũ Thị L số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009039 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả anh Lê Văn Q số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009045 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả bà Tạ Thị S số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009046 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả bà Tạ Thị Q số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009048 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả bà Hứa Thị L số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009049 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả bà Vũ Thị N số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009040 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả chị Trần Thị H số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009044 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả ông Mai Duy L số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009047 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009074 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả ông Nguyễn Văn D số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009071 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả ông Vũ Văn D số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009073 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Hoàn trả ông Nguyễn Đình D số tiền dự phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009072 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND.TP Hà Nội
- VKSND.H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS.H.Hoài Đức;
- UBND xã, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hải